

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 4 năm 2025

Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Hiền – Bà Nguyễn Thị Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1992.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ F, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc Q1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 10 tháng 3 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hoà giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q1.

Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Ngọc Q1 có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2017. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, chị yêu cầu anh Q1

phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với ý kiến của chị Q1 về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh không bổ sung thêm ý kiến nào khác. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Q1 được ly hôn.

Về nuôi con: Anh thống nhất với chị Q1, anh chị có một con chung như chị Q1 trình bày, anh đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của chị Q1.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q1 có nơi thường trú tại tổ dân phố số F, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 10 tháng 3 năm 2016 thể hiện việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Ngọc Q1 là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai, các đương sự đều thể hiện hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào trầm trọng, không thể hàn gắn được cùng đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Do các đương sự từ chối hoà giải và không tham gia phiên toà nên không thể công nhận sự thoả thuận của các đương sự nhưng cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự để căn cứ vào quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Ngọc Q1 được ly hôn.

[2.2] Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Như Q, anh Nguyễn Ngọc Q1 có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2017. Cháu T có nguyện vọng được ở cùng chị Q1 khi vợ chồng ly hôn. Chị Q1 và anh Q1 thống nhất giao cháu T cho chị Q1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Ngọc Q1 cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/01 tháng. Xét thấy: Thoả thuận của các đương sự về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do các đương sự thoả thuận được với nhau về ly hôn nên mỗi đương sự phải chịu 25% án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng x 25% = 75.000 đồng. Các đương sự thoả thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con được Tòa án ghi nhận trong bản án nên bị đơn phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng x 50% = 150.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83, 110; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Ngọc Q1.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2017, anh Nguyễn Ngọc Q1 cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Ngọc Q1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2024/0001566 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, chị Q được trả lại số tiền 225.000 đồng.

- Anh Nguyễn Ngọc Q1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Tổng cộng anh Q1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 225.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Như Q, anh Nguyễn Ngọc Q1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Đường sự (02);
- UBND xã Q, H.T, tỉnh, Yên Bái (GCNKH ngày 10/3/2016);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến

